

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HS-PT  
Ngày 25-02-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Mạnh Cường.

*Các Thẩm phán:* bà Phạm Thị Thanh Loan, bà Vương Thị Thu Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Đức Trung - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** ông Trần Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25/02/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 47/2021/TLPT-HS ngày 06/12/2021 do có kháng cáo của bị cáo Thảm Thị L, các bị hại ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị G đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2021/HS-ST ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

**- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:** Thảm Thị L, sinh năm 1974 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thảm Quang V và bà Mạc Thị T, sinh năm 1950; có chồng tên là Nguyễn Văn L, sinh năm 1974, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị tạm giam từ ngày 30/11/2020 đến ngày 21/5/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

**- Các bị hại có kháng cáo:**

1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1954; nơi cư trú: thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1969; nơi cư trú: thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2013, Thảm Thị L có đầu tư chăn nuôi lợn, do thiếu vốn nên Thảm Thị L đã hỏi vay tiền của ông P, bà G, bà D với lý do đầu tư mở

rộng quy mô chuồng trại chăn nuôi lợn. Do tin tưởng Thảm Thị L là người quen biết, ông P, bà D, bà G đã cho Lê vay tổng số tiền 360.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 23/9/2013, Thảm Thị L vay tiền của ông Nguyễn Văn P, số tiền 130.000.000 đồng, khi vay Thảm Thị L có điền thông tin và ký, ghi rõ họ tên vào giấy vay tiền theo mẫu có sẵn của ông P, trong giấy vay tiền thỏa thuận thời hạn vay một tháng, lãi suất 260.000 đồng/ngày.

Ngày 26/9/2013, Thảm Thị L vay của Nguyễn Thị G số tiền 100.000.000 đồng, khi vay Thảm Thị L có viết giấy vay tiền, không ghi thời hạn vay nhưng có thỏa thuận bằng miệng về việc thời hạn vay là một tháng, lãi suất sẽ thỏa thuận trả sau.

Ngày 27/9/2013, Thảm Thị L tiếp tục vay của Nguyễn Thị G số tiền 100.000.000 đồng, khi vay tiền Thảm Thị L có điền thông tin, ký và ghi rõ họ tên vào giấy vay tiền theo mẫu có sẵn, trong giấy vay tiền thỏa thuận thời hạn vay một tháng, lãi suất tự thỏa thuận sau.

Ngày 01/10/2013, Thảm Thị L vay của Hoàng Thị D số tiền 30.000.000 đồng, khi vay Thảm Thị L có điền thông tin, ký và ghi rõ họ tên vào giấy vay tiền theo mẫu có sẵn, thỏa thuận thời hạn vay hai tháng từ ngày 01/10/2013 đến ngày 01/12/2013. Do trên giấy vay tiền có sẵn mục chồng (vợ) nên L ghi tên chồng là Nguyễn Văn L1 vào giấy vay tiền.

Sau khi vay được tiền của ông P, bà G, bà D, L chỉ sử dụng khoảng 5.000.000 đồng để mua thức ăn chăn nuôi (không xác định được số tiền cụ thể do không có hóa đơn mua bán). Số tiền còn lại L không trả lại ông P, bà G, bà D mà tự ý sử dụng như sau: sử dụng 30.000.000 đồng để trả nợ cho bà Nguyễn Thị L2, chi tiêu cá nhân khoảng 20.000.000 đồng, cho Nguyễn Văn T vay số tiền 50.000.000 đồng (tuy nhiên sau đó Nguyễn Văn T đã trả xong số tiền nợ 50.000.000 đồng cho L và L cũng sử dụng chi tiêu cá nhân hết), cho Thảm Thị L3 vay số tiền 70.000.000 đồng.

Khi đến thời hạn trả nợ theo thỏa thuận, ông P, bà G, bà D có đến nhà của Thảm Thị L để yêu cầu trả nợ thì L xin khất nợ do chưa có tiền trả. Đến đầu tháng 12 năm 2013, Thảm Thị L xác định việc chăn nuôi lợn không đủ để có tiền trả nợ và sinh sống nên đã bán hết số lợn của gia đình được khoảng 30.000.000 đồng rồi mang số tiền đã vay còn lại khoảng 185.000.000 đồng bỏ trốn đến tỉnh Bình Dương, chi tiêu vào mục đích cá nhân hết. Quá trình đi Bình Dương, L không báo cho các chủ nợ biết, các chủ nợ đến tìm L nhưng không có tin tức gì về L. Trong năm 2017, Thảm Thị L có về xã P để thực hiện một số công việc gia đình nhưng L không đến khất nợ hay trả được số tiền nào cho ông P, bà G, bà D.

Quá trình điều tra xác định được Thảm Thị L và Nguyễn Văn L1 có tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 2.320m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 406, tờ bản đồ số 21, mục đích sử dụng đất: đất ở 130m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 2190 m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất tại thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 755617, do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày

09/01/2012 cho Nguyễn Văn L1, Thảm Thị L và tài sản trên đất là nhà xây cấp IV. Ngày 17/5/2013, Nguyễn Văn L1 và Thảm Thị L thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất để vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện B, Phòng giao dịch G, số tiền 150.000.000 đồng. Đến ngày 20/8/2015, ông Nguyễn Văn Lượng đã trả hết nợ gốc và nợ lãi đối với ngân hàng và xóa thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Ngày 11/12/2018, Thảm Thị L trở về địa phương, cùng chồng là Nguyễn Văn L1 ký kết hợp đồng chuyển nhượng số 830, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho ông Đỗ Văn T1 và bà Nguyễn Thị N, cùng trú tại thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang. Giá trị chuyển nhượng ghi tại hợp đồng là 10.000.000 đồng, tuy nhiên Nguyễn Văn L1 và Thảm Thị L đều khẳng định gia đình Nguyễn Văn L1 và Thảm Thị L đã vay của ông Đỗ Văn T1, bà Nguyễn Thị N số tiền khoảng 800.000.000 đồng, do không có tiền để trả nợ nên Nguyễn Văn L1 và Thảm Thị L đã thống nhất chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất để trừ hết số tiền đã nợ ông Đỗ Văn T1 và bà Nguyễn Thị N.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 49/2021/HS-ST ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Thảm Thị L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Thảm Thị L 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 30/11/2020 đến ngày 21/5/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phân trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/11/2021, bị cáo Thảm Thị L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Ngày 11/11/2021, các bị hại Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị G có đơn kháng cáo cho rằng mức hình phạt 03 năm tù cấp sơ thẩm tuyên xử đối với bị cáo L là quá nhẹ.

Tại phiên tòa, bị cáo Thảm Thị L xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Các bị hại có ý kiến, quan điểm:

Đối với phân trách nhiệm dân sự: nhất trí đối với phán quyết của Tòa án sơ thẩm, không có ý kiến gì thêm.

Đối với mức hình phạt: các bị hại cho rằng mức hình phạt 03 năm tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo L là quá nhẹ, không tương xứng đề nghị cấp phúc thẩm xem xét tăng mức hình phạt đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang có ý kiến, quan điểm như sau: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, việc cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" đối với bị cáo L là thiếu sót, việc cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của các bị hại sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng mức hình phạt đối với bị cáo Thảm Thị L.

Về tội danh: tuyên bố bị cáo Thảm Thị L phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Về hình phạt: căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999, Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Thảm Thị L từ 05 năm đến 06 năm tù, thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 30/11/2020 đến ngày 21/5/2021.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: đơn kháng cáo của bị cáo, các bị hại làm trong hạn luật định là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo L xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Xét thấy việc bị cáo L xin rút toàn bộ kháng cáo là tự nguyện nên cần được chấp nhận.

[3] Về tội danh: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Thảm Thị L xác nhận vào ngày 23/9/2013, Thảm Thị L vay tiền của ông Nguyễn Văn P, số tiền 130.000.000 đồng; ngày 26 và 27/9/2013, Thảm Thị L vay của bà Nguyễn Thị G tổng số tiền 200.000.000 đồng (mỗi lần 100.000.000 đồng); ngày 01/10/2013, Thảm Thị L vay của bà Hoàng Thị D số tiền 30.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền vay của ông P, bà G, bà D là 360.000.000 đồng. Sau khi vay được tiền L chỉ sử dụng khoảng 5.000.000 đồng để mua thức ăn chăn nuôi, sử dụng 30.000.000 đồng để trả nợ cho bà Nguyễn Thị L1, chi tiêu cá nhân khoảng 20.000.000 đồng, cho Thảm Thị L2 vay số tiền 70.000.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ theo thỏa

thuận, ông P, bà G, bà D có đến nhà của Thảm Thị L để yêu cầu trả nợ thì L xin khát nợ do chưa có tiền trả. Đến đầu tháng 12 năm 2013, Thảm Thị L xác định việc chăn nuôi lợn không đủ để có tiền trả nợ và sinh sống nên đã bán hết số lợn của gia đình được khoảng 30.000.000 đồng rồi mang số tiền đã vay còn lại khoảng 185.000.000 đồng bỏ trốn đến tỉnh Bình Dương và chi tiêu vào mục đích cá nhân hết. Quá trình đi Bình Dương, L không báo cho các chủ nợ biết, các chủ nợ đến tìm nhưng không có tin tức gì về L. Trong năm 2017, Thảm Thị L có về xã P để thực hiện một số công việc gia đình nhưng L không đến khát nợ hay trả được số tiền nào cho ông P, bà G, bà D. Do đó, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xét xử đối với bị cáo Thảm Thị L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đồng thời áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về hình phạt: cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Thảm Thị L là đúng. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo L nhiều lần vay tiền của các bị hại, cụ thể vào ngày 23/9/2013 vay của ông Nguyễn Văn P 130.000.000 đồng, ngày 26 và 27/9/2013 vay của bà Nguyễn Thị G tổng số tiền là 200.000.000 đồng (mỗi lần 100.000.000 đồng), ngày 01/10/2013 vay của bà Hoàng Thị D số tiền 30.000.000 đồng rồi sau đó bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài sản nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo là thiếu sót. Do đó, việc cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo Thảm Thị L với mức án 03 năm tù là không phù hợp, không tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, không bảo đảm tính răn đe, giáo dục đối với người phạm tội và phòng ngừa chung.

[5] Quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo L đã tự nguyện thi hành số tiền mà bị cáo có trách nhiệm phải hoàn trả cho các bị hại P, G mỗi người là 10.000.000 đồng, điều này thể hiện thái độ ăn năn, hối cải của bị cáo đối với hành vi phạm tội của mình. Đồng thời, bị hại Hoàng Thị D có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo nên cần được xem xét khi lượng hình.

[6] Xét kháng cáo của các bị hại, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: mặc dù bị cáo L có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, nhưng bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, mới khắc phục được một phần nhỏ thiệt hại cho các bị hại. Do đó, không có căn cứ để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

[7] Từ phân tích, nhận định nêu trên xét thấy kháng cáo tăng hình phạt của các bị hại đối với bị cáo là có căn cứ nên cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng mức hình phạt đối với bị cáo Thảm Thị L.

[8] Về trách nhiệm dân sự: quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo đã tự nguyện hoàn trả cho các bị hại Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị G mỗi người 10.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số 0001657, 0001658 ngày 11/01/2022 và biên lai thu số 0001729, 0001730 ngày 27/01/2022. Hội đồng xét xử thấy việc bị cáo bồi thường cho các bị hại là hoàn toàn tự nguyện nên cần được chấp nhận và khấu trừ vào tổng số tiền mà bị cáo phải hoàn trả cho các bị hại. Các nội dung khác trong phần trách nhiệm dân sự các bị hại, bị cáo không kháng cáo nên không đề cập xem xét, giải quyết.

[9] Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Giang có trách nhiệm trao trả cho các bị hại P, G mỗi người 10.000.000 đồng.

[10] Do bị cáo đã tự nguyện hoàn trả cho các bị hại P, G mỗi người 10.000.000 đồng nên cần sửa bản án hình sự sơ thẩm số 49/2021/HS-ST ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang về phần trách nhiệm dân sự cho phù hợp.

[11] Ý kiến, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[12] Về án phí

[13] Đối với án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo xin rút toàn bộ kháng cáo tại phiên tòa nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

[14] Đối với án phí dân sự có giá ngạch: do bị cáo đã tự nguyện hoàn trả một phần trách nhiệm dân sự đối với các bị hại nên sửa phần án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tại bản án hình sự sơ thẩm số 49/2021/HS-ST ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang.

[15] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 342, Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Thảm Thị L.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của các bị hại, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 49/2021/HS-ST ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang về phần hình phạt, trách nhiệm dân sự, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với bị cáo Thảm Thị L.

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Thảm Thị L phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999, Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Thảm Thị L 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày từ ngày 30/11/2020 đến ngày 21/5/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 471, 473, 474, 476, 477 Bộ luật Dân sự năm 2005 ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại.

Buộc bị cáo Thảm Thị L phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị G tổng số tiền là 360.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng mà bị cáo đã tự nguyện hoàn trả tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu số 0001657 ngày 11/01/2021, biên lai thu số 0001729 ngày 27/01/2021. Bị cáo còn phải hoàn trả cho bà G số tiền là 350.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Thảm Thị L phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn P tổng số tiền là 250.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng mà bị cáo đã tự nguyện hoàn trả Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu số 0001658 ngày 11/01/2021 biên lai thu số 0001730 ngày 27/01/2021. Bị cáo còn phải hoàn trả cho ông P số tiền là 240.000.000 đồng.

Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Giang có trách nhiệm trao trả cho các bị hại P, G số tiền mà bị cáo L đã tự nguyện hoàn trả mỗi người là 10.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Thảm Thị L phải hoàn trả cho bà Hoàng Thị D tổng số tiền là 35.000.000 đồng.

*Số tiền nói trên kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

4. Về án phí: căn cứ Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đối với án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Đối với án phí dân sự có giá ngạch: bị cáo phải chịu 27.600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC02, PC10, PV06 Công an tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện B;
- CQ CSĐT Công an huyện B;
- CQ THA.HS Công an huyện B;
- Tòa án nhân dân huyện B;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Nguyễn Mạnh Cường**